

quá trình thực hiện có gì vướng mắc phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRẦN VĂN TÁ

BỘ THƯƠNG MẠI

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Thương mại số 422/2003/QĐ-BTM
ngày 11/4/2003 về việc ban hành
Quy chế đầu tư xây dựng kho xăng
dầu trên phạm vi cả nước.**

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 4 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng được ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2002 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 93/2002/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về

việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống kho xăng dầu trên phạm vi cả nước đến năm 2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch thống kê - Trưởng ban quản lý các dự án quy hoạch, Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đầu tư xây dựng kho xăng dầu trên phạm vi cả nước.

Điều 2. Bộ Thương mại và các Bộ, ngành khác có liên quan và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên cả nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký; các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thư trưởng

LÊ DANH VINH

QUY CHẾ đầu tư xây dựng kho xăng dầu trên phạm vi cả nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 422/2003/QĐ-BTM ngày 11 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nội dung, mục đích quản lý

Quy chế này xác lập các nguyên tắc, tiêu thức và yêu cầu quản lý nhà nước mà các chủ đầu tư phải tuân thủ khi tiến hành chuẩn bị đầu tư xây dựng các kho xăng dầu trên lãnh thổ Việt Nam. Mục đích của Quy chế này là nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương trong việc xây dựng các kho xăng dầu bảo đảm yêu cầu khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng trên phạm vi cả nước, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và hiệu quả đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển chung trên quy mô quốc gia, ngành và địa phương theo tinh thần Quyết định số 93/2002/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc "phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống kho xăng dầu trên phạm vi cả nước đến năm 2010" (sau đây gọi là Quy hoạch chung) và Quy hoạch phát triển hệ thống kho xăng dầu tại các khu vực trong cả nước (sau đây gọi là Quy hoạch khu vực) và bảo đảm hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng kho xăng dầu, phù hợp với những diễn biến phát sinh trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống kho xăng dầu trên phạm vi cả nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bể xăng dầu*: là công trình xây dựng nhằm mục đích chứa xăng dầu và bảo đảm các quy định của Nhà nước về kỹ thuật, an toàn cháy nổ, vệ sinh môi trường....

2. *Kho xăng dầu*: là khu vực có nhiều bể xăng dầu; trường hợp kho chỉ có 1 bể xăng dầu, thì bể xăng dầu cũng là kho xăng dầu.

3. *Kho đầu mối*: là kho có khả năng trực tiếp tiếp nhận xăng dầu từ tàu thủy chở xăng dầu nhập khẩu hoặc từ các nhà máy lọc dầu.

4. *Kho tuyến sau*: là kho tiếp nhận xăng dầu từ kho đầu mối hoặc từ các kho khác.

5. *Đầu tư mở rộng*: là thực hiện Dự án xây

dựng bổ sung tại kho xăng dầu đã có sẵn nhằm tăng sức chứa của kho.

6. *Đầu tư mới*: là thực hiện Dự án xây dựng kho xăng dầu tại địa điểm (mới) chưa có kho xăng dầu hoặc xây dựng kho xăng dầu mới thay thế kho xăng dầu cũ.

7. *Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu*: là các doanh nghiệp có đủ điều kiện và đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

8. *Chủ đầu tư*: là các doanh nghiệp lập Dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật doanh nghiệp, có giấy phép kinh doanh xăng dầu.

9. *Sở Thương mại*: là tên gọi chung của Sở Thương mại, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch và Thương mại; là cơ quan quản lý nhà nước về thương mại ở địa phương nơi doanh nghiệp xây dựng kho xăng dầu.

10. *Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu tại địa phương (viết tắt là Hội đồng thẩm định Dự án)*: là Hội đồng, do Sở Thương mại trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quyết định thành lập, với thành phần gồm đại diện có thẩm quyền của Sở Thương mại, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Địa chính, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), cơ quan Công an phòng cháy chữa cháy và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan ở địa phương (nếu cần). Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Thương mại.

11. *Văn bản thẩm định* là văn bản đánh giá mức độ phù hợp của dự án đầu tư đối với các yêu cầu về quy mô, địa điểm và nhu cầu xây dựng trong hệ thống kho xăng dầu của khu vực và địa phương mà tại đó chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng.

12. *Văn bản phê duyệt cho phép đầu tư* là văn bản cho phép chủ đầu tư được triển khai các thủ

tục tiếp theo để được thực hiện việc xây dựng kho xăng dầu (như làm thủ tục đề nghị cấp đất; giấy xác nhận bảo đảm an toàn phòng, chống cháy, nổ; giấy xác nhận về bảo đảm môi trường; duyệt thiết kế...).

Điều 3. Đối tượng điều chỉnh

Các Dự án đầu tư xây dựng kho đầu mối, Dự án đầu tư xây dựng kho tuyến sau (bao gồm kho trung chuyển, kho phân phối); Dự án đầu tư mở rộng, Dự án đầu tư mới.

Quy chế này không điều chỉnh các Dự án đầu tư xây dựng: kho ngoại quan, kho xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang phục vụ nhiệm vụ riêng; kho xây dựng chỉ phục vụ cho nhu cầu của các hộ tiêu thụ riêng biệt; kho, bể xăng, dầu của các cửa hàng, trạm bán xăng dầu; kho chứa dầu nhờn, gas hóa lỏng, nhựa đường lỏng và các sản phẩm hóa dầu khác ngoài xăng dầu chính.

Điều 4. Phạm vi áp dụng

Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong hệ thống kinh doanh thương mại trên phạm vi cả nước; cơ quan quản lý có liên quan trong quá trình triển khai thủ tục đầu tư mở rộng, đầu tư mới kho xăng dầu phục vụ kinh doanh và dự trữ quốc gia; doanh nghiệp đầu tư kho xăng dầu để cho thuê.

Điều 5. Nguyên tắc chung của việc quản lý Quy hoạch

1. Chủ đầu tư chỉ được phép triển khai các thủ tục đầu tư đối với các Dự án đầu tư thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này sau khi nhận được văn bản phê duyệt cho phép đầu tư của Bộ Thương mại hoặc Sở Thương mại.

2. Trường hợp trong cùng một thời gian có từ hai doanh nghiệp trở lên xin phép đầu tư xây dựng kho xăng dầu trên cùng một địa bàn, thứ tự ưu tiên trong việc thẩm định và phê duyệt cho phép đầu tư như sau:

a) Hình thức đầu tư: ⁽¹⁾ đầu tư mở rộng, ⁽²⁾ đầu tư mới.

b) Chủ đầu tư: ⁽¹⁾ doanh nghiệp đầu mối, ⁽²⁾ doanh nghiệp khác: ^(2a) doanh nghiệp có trụ sở tại địa phương, ^(2b) doanh nghiệp có trụ sở tại nơi khác.

3. Căn cứ vào quy mô doanh nghiệp, khả năng tài chính, mức độ uy tín (chất lượng sản phẩm và dịch vụ), nhiệm vụ và khả năng thực hiện vai trò bình ổn thị trường của doanh nghiệp xin phép đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xác định nhu cầu, quy mô, cấp độ đầu tư hợp lý của từng Dự án đầu tư trên cơ sở cân đối theo Quy hoạch đã được phê duyệt tại khu vực trong từng giai đoạn và yêu cầu thực tế phát sinh.

4. Các Dự án đầu tư kho xăng dầu, ngoài việc tuân thủ các nội dung quy định của Quy chế này đều phải được triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ, các điều của Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan khác.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ ĐỂ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHO PHÉP ĐẦU TƯ

Điều 6. Điều kiện cho việc đầu tư xây dựng kho tiếp nhận đầu mối

1. Phù hợp với nhu cầu phát triển, bổ sung sức chứa của hệ thống kho xăng dầu ở từng khu vực và trên phạm vi cả nước trong từng giai đoạn; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực và địa phương, phù hợp với

quy hoạch tổng thể phát triển đô thị đến năm 2010, hướng tới năm 2020.

2. Đáp ứng các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Có sức chứa từ 10.000 m³ trở lên;

b) Có bến cảng chuyên dụng cho tàu thủy có trọng tải từ 10.000 DWT trở lên neo đậu và bơm rót xăng dầu vào kho;

c) Có nhiệm vụ bảo đảm nguồn xăng dầu cho một khu vực lãnh thổ hoặc điều chuyển đến các khu vực khác trên cả nước;

d) Đáp ứng các tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng kho xăng dầu hiện hành, các tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn và môi trường.

3. Là doanh nghiệp có đủ điều kiện và đã được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định cho phép trực tiếp nhập khẩu xăng dầu.

Thứ tự ưu tiên thẩm định, phê duyệt cho phép đầu tư đối với các hình thức đầu tư và đối tượng xin phép đầu tư xây dựng kho tiếp nhận đầu mối theo như khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 7. Điều kiện cho việc đầu tư xây dựng kho tuyến sau

1. Phù hợp với nhu cầu phát triển, bổ sung sức chứa của hệ thống kho xăng dầu ở từng khu vực và trên phạm vi cả nước trong từng giai đoạn; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực và địa phương, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển đô thị đến năm 2010, hướng tới năm 2020.

2. Đáp ứng các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Có khả năng tiếp nhận xăng dầu từ kho đầu mối, từ các kho khác hoặc từ nhà máy lọc dầu trong nước và có khả năng nhập, xuất xăng dầu theo đường thủy và/hoặc đường ống, đường bộ, đường sắt để cung ứng cho nhu cầu tiêu thụ trong khu vực địa lý nhất định;

b) Đáp ứng các tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng kho xăng dầu hiện hành, các tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn và môi trường.

Thứ tự ưu tiên thẩm định, phê duyệt cho phép đầu tư đối với các hình thức đầu tư và đối tượng xin phép đầu tư xây dựng kho tuyến sau theo như khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt cho phép đầu tư

1. Đối với trường hợp đã có đất để xây dựng:

a) Văn bản đề nghị cho phép đầu tư kho xăng dầu đầu mối và/hoặc đầu tư kho xăng dầu tuyến sau.

b) Giấy đăng ký kinh doanh.

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp được làm đầu mối nhập khẩu xăng dầu.

d) Văn bản đồng ý của cơ quan chủ quản (nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước).

e) Dự án tiền khả thi hoặc Báo cáo đầu tư (tùy theo mức độ đầu tư).

g) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

h) Thỏa thuận về địa điểm, về phòng cháy chữa cháy, về môi trường.

2. Đối với trường hợp chưa có đất để xây dựng:

a) Văn bản đề nghị cho phép đầu tư kho xăng dầu đầu mối và/hoặc đầu tư kho xăng dầu tuyến sau.

b) Giấy đăng ký kinh doanh.

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp được làm đầu mối nhập khẩu xăng dầu.

d) Văn bản đồng ý của cơ quan chủ quản (nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước).

e) Luận chứng kinh tế - kỹ thuật của Dự án đầu tư.

3. Chủ đầu tư gửi Sở Thương mại 9 bộ hồ sơ. Mỗi bộ hồ sơ gồm các loại văn bản quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Điều 9. Trường hợp đầu tư mở rộng kho có dung tích tăng thêm từ 2.000 m³ trở lên cũng phải thực hiện những thủ tục như quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA BỘ THƯƠNG MẠI VÀ SỞ THƯƠNG MẠI

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Thương mại

1. Thông báo các Sở Thương mại biết Quy hoạch chung, Quy hoạch khu vực, văn bản điều chỉnh liên quan (nếu có) để phổ biến cho các doanh nghiệp và thực hiện công tác nghiên cứu, thẩm định thống nhất.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước hữu quan ở Trung ương thực hiện việc tiếp tục xem xét, thẩm định các hồ sơ, văn bản xin phép đầu tư xây dựng kho xăng dầu của chủ đầu tư và văn bản báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư kho xăng dầu của địa phương.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được các văn bản của Sở Thương mại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11, ban hành văn bản cho phép hoặc không cho phép chủ đầu tư tiến hành thủ tục đầu tư xây dựng kho xăng dầu, trừ trường hợp nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Quy chế này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thương mại phải nêu rõ lý do và hướng dẫn doanh nghiệp cách làm theo đúng luật pháp.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Thương mại

1. Thành lập Hội đồng thẩm định Dự án theo quy định tại khoản 11 Điều 2 nhằm thẩm định hồ sơ và xác định mức độ tuân thủ các quy chuẩn hiện hành về xây dựng (kỹ thuật, an toàn cháy nổ, môi trường và địa điểm xây dựng kho xăng dầu...).

2. Thủ tục sau khi thẩm định:

a) Đối với trường hợp Dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu có dung tích dưới 2.000 m³ và theo đúng Quy hoạch chung, Quy hoạch khu vực (cả về quy mô và địa điểm), trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được các văn bản của chủ đầu tư, thừa ủy quyền của Bộ Thương mại, ban hành văn bản cho phép hoặc không cho phép chủ đầu tư tiến hành thủ tục đầu tư xây dựng kho sau khi đã có ý kiến thống nhất của Hội đồng thẩm định Dự án. Trường hợp không cho phép, Sở Thương mại phải nêu rõ lý do và hướng dẫn chủ đầu tư cách làm theo đúng pháp luật.

b) Đối với trường hợp Dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu khác (ngoài các trường hợp nêu tại điểm a khoản 2 Điều này), trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được các văn bản của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này, chuyển tới Bộ Thương mại các văn bản của chủ đầu tư và văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định Dự án, đồng thời có văn bản thông báo cho chủ đầu tư biết kết quả thẩm định.

c) Báo cáo Bộ Thương mại bằng văn bản đối với những trường hợp nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 12. Thu hồi văn bản thẩm định, phê duyệt cho phép đầu tư và văn bản gia hạn

Văn bản phê duyệt cho phép đầu tư có hiệu lực trong vòng 12 tháng tính từ ngày ban hành. Hết thời hạn trên mà chủ đầu tư chưa triển khai Dự

án, thì văn bản cho phép mặc nhiên hết hiệu lực và được cơ quan ban hành thu hồi.

Nếu xét thấy khó triển khai Dự án trong vòng 12 tháng, trước một (1) tháng khi văn bản phê duyệt cho phép đầu tư hết hiệu lực, chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cơ quan ban hành văn bản phê duyệt cho phép gia hạn đầu tư, trong đó trình bày rõ nguyên nhân khiến chưa triển khai được Dự án, hướng khắc phục trong thời gian tới. Văn bản gia hạn đầu tư chỉ được ban hành 1 lần với thời hạn không quá 12 tháng. Hết thời hạn này mà chủ đầu tư vẫn chưa triển khai được Dự án, thì văn bản cho phép gia hạn mặc nhiên hết hiệu lực và được cơ quan ban hành thu hồi.

Hết thời hạn gia hạn, nếu vẫn có nhu cầu đầu tư, chủ đầu tư phải lập hồ sơ mới để được thẩm định và phê duyệt cho phép đầu tư như quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 13. Chế độ báo cáo

Hàng năm và sau khi kết thúc xây dựng và nghiệm thu công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo với Sở Thương mại và Bộ Thương mại về quá trình triển khai thực hiện Dự án (địa điểm, quy mô và tiến độ, thời hạn hoàn thành Dự án).

Trong vòng 10 ngày đầu quý, Sở Thương mại gửi Bộ Thương mại Báo cáo tình hình thực hiện quý trước liên kế về công tác thẩm định và ban hành văn bản cho phép đầu tư xây dựng kho xăng dầu trên địa bàn.

Chương IV

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Kiểm tra

Bộ Thương mại phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ

Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Xây dựng...) kiểm tra việc thi hành các quy định của Quy chế này trên phạm vi cả nước; kịp thời có biện pháp xử lý cụ thể (trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ) đối với các trường hợp vi phạm quy định của Quy chế này.

Sở Thương mại phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan ở địa phương kiểm tra việc thi hành các quy định của Quy chế này trên địa bàn do mình quản lý; kịp thời có biện pháp xử lý cụ thể hoặc báo cáo Bộ Thương mại trong trường hợp cần thiết.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về pháp lý và vật chất trước cơ quan chủ quản và trước pháp luật đối với những vi phạm các quy định của Quy chế này. Trường hợp triển khai đầu tư khi chưa có văn bản thẩm định, phê duyệt của Bộ Thương mại hoặc Sở Thương mại sẽ bị đình chỉ xây dựng kèm theo các biện pháp xử lý theo luật định.

2. Cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định trong Quy chế, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường vật chất theo quy định của luật pháp nếu có gây thiệt hại về vật chất.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Bộ Thương mại, Sở Thương mại, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong hệ thống kinh doanh thương mại trên phạm vi cả nước, cơ quan quản lý có liên quan trong quá trình triển khai thủ tục đầu tư xây dựng kho xăng dầu phục vụ kinh doanh và dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Bộ Thương mại có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, theo dõi việc thi hành nội dung quy định của Quy chế này trên phạm vi cả nước.

Điều 17. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy chế này do Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định.

Các Dự án đầu tư xây dựng các loại kho xăng dầu nêu tại Điều 3 tiến hành sau ngày Quy chế có hiệu lực đều phải làm mới hoặc làm lại các thủ tục theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 381/2003/QĐ-NHNN ngày 23/4/2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của “Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng” ban hành theo Quyết định số 297/1999/QĐ-NHNN5 ngày 25/8/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của “Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng” ban hành kèm theo Quyết định số 297/1999/QĐ-NHNN5 ngày 25/8/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi như sau:

“1. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức tín dụng như sau:

a) Tổ chức tín dụng nhà nước:

- Ngân hàng thương mại nhà nước: 30%;
- Tổ chức tín dụng nhà nước khác: 25%.

b) Tổ chức tín dụng liên doanh:

- Ngân hàng liên doanh: 30%;
- Tổ chức tín dụng liên doanh khác: 25%.

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 30%.

d) Tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân:

- Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân: 30%;

- Tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân khác: 20%.

đ) Tổ chức tín dụng hợp tác: 10%.”

2. Bổ sung điểm i vào khoản 1 Điều 10 như sau:

“i. Tiền gửi các tổ chức tín dụng nhà nước phải duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội